

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/07/2011 đến ngày 30/09/2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh là công ty cổ phần được thành lập tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, hoạt động Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng). Tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá một Trục sở chính của Công ty tại: 198 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban Chứng Môi giới chứng khoán;
Tự doanh chứng khoán;
Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn. Đối với trái phiếu khi mua có phát sinh chiết khấu và phụ trội so với mệnh giá trái phiếu, Công ty áp dụng phương pháp Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đính danh Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trang thiết bị nội thất có giá trị lớn
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được Công ty áp dụng cho một số khoản vay, công nợ phải trả theo hình thức ký

3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	09/30/2011	06/30/2011
Tiền mặt	39,279,946	4,221,258
Tiền gửi ngân hàng	11,031,230,565	10,647,966,335
Tiền gửi của Công ty chứng khoán	1,055,883,788	1,717,472,485
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	9,975,346,777	8,930,493,850
Các khoản tương đương tiền (gửi kỳ hạn)	173,300,000,000	121,820,000,000
Cộng	184,370,510,511	132,472,187,593

4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch
a) Cửa Công ty Chứng khoán	691,848	52,254,741,166
- Cổ phiếu	192,348	2,304,741,166
- Trái phiếu	499,500	49,950,000,000
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Cửa người đầu tư	55,079,666	693,318,301,000
- Cổ phiếu	55,079,666	693,318,301,000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	55,771,514	745,573,042,166

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Xem chi tiết tại Phụ lục 02

	09/30/2011	06/30/2011
a Chứng khoán thương mại		
* Chứng khoán niêm yết	848,906,417	625,697,183
Chi tiết chứng khoán nắm giữ 30/09/2011	09/30/2011	06/30/2011
* Chứng khoán chưa niêm yết		
b Đầu tư ngắn hạn khác		
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	-
- Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-
c Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(195,286,784)	(261,750,580)
Cộng	653,619,633	363,946,603

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	09/30/2011	03/31/2011
Lãi tiền gửi dự tính	1,436,888,000	1,878,461,111
Phải thu về lãi trái phiếu đầu tư	11,043,747,200	10,139,119,180
Phải thu ứng trước tiền bán của nhà đầu tư	1,936,632,939	2,057,298,429
Phải thu Hợp tác đầu tư chứng khoán	10,329,277,300	10,005,092,499
Phải thu Hợp tác đầu tư OTC	2,561,300,000	1,070,000,000
Các khoản phải thu khác	12,029,440	8,414,930
Cộng	27,319,874,879	25,158,386,149

7 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

8 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Unit: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán, bản quyền	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	-	3,914,995,040	1,071,100,000
2. Số tăng trong kỳ	-	93,750,000	93,750,000
- Mua sắm mới	-	93,750,000	
- Tặng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	4,008,745,040	4,008,745,040
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ	-	1,206,151,358	387,117,651
2. Số tăng trong kỳ	-	232,357,405	232,357,405
- Trích khấu hao	-	232,357,405	232,357,405
- Tặng khác	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	1,438,508,763	1,438,508,763
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu kỳ	-	2,708,843,682	2,708,843,682
2. Cuối kỳ	-	2,570,236,277	2,570,236,277

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	09/30/2011	06/30/2011
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	118,323,200,000	168,598,000,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	118,323,200,000	168,598,000,000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên một năm		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		
Cộng	118,323,200,000	168,598,000,000
Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn:		09/30/2011
		118,323,200,000
- Trái phiếu Ngân hàng phát triển Việt Nam(SL 250.000TP)		27,923,200,000
- Trái phiếu EVNBOND Tập đoàn điện lực (SL 80TP)		80,000,000,000
- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty CP XD và cơ điện Việt Nam (SL 24000TP)		2,400,000,000
- Trái phiếu Công ty CP Dầu khí An pha (SL 80000TP)		8,000,000,000

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	09/30/2011	06/30/2011
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp		
Chi phí trang thiết bị nội thất cho tại trụ sở TP HCM	62,727,492	62,727,492
Chi phí in phiếu lệnh mua bán		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7,510,839	7,510,839
Chi phí trả trước dài hạn khác		-
Cộng	70,238,331	70,238,331

11 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	09/30/2011	06/30/2011

	Tiền nộp ban đầu		256,696,618	256,696,618
	Tiền nộp bổ sung		110,610,785	110,610,785
	Tiền lãi phân bổ trong kỳ		13,820,890	13,820,890
	Số cuối năm		381,128,293	381,128,293
12	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		09/30/2011	06/30/2011
	Thuế GTGT		42,510	15,262,476
	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			
	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu			
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		2,361,604,821	2,190,745,996
	Thuế TNCN		109,245,622	322,612,361
	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất			
	Các loại thuế khác			
	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			-
	Cộng		2,470,892,953	2,528,620,833
13	PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN		09/30/2011	06/30/2011
	Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán			
	Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác			
	Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành			
	Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán			
	Phải trả tổ chức, cá nhân khác		9,966,792,249	8,928,080,452
	Cộng		9,966,792,249	8,928,080,452
14	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC		09/30/2011	06/30/2011
	Tài sản thừa chờ xử lý			-
	Kinh phí công đoàn		122,629,838	117,561,075
	Bảo hiểm xã hội		2,484,231	
	Bảo hiểm y tế		-	
	Bảo hiểm thất nghiệp		-	
	Các khoản phải trả, phải nộp khác		2,061,426,978	3,260,541,636
	+ <i>Phải trả khác</i>		<i>13,127,220</i>	<i>25,014,806</i>
	+ <i>Phải trả cầm cố ứng trước</i>		<i>200,406,828</i>	
	+ <i>Phải trả hộ cổ tức cho Tổng công ty Bảo Minh</i>		<i>1,019,775,430</i>	<i>1,221,501,830</i>
	+ <i>Phải trả cổ tức BMSC</i>		<i>828,117,500</i>	<i>2,014,025,000</i>
	Cộng		2,186,541,047	3,378,102,711
15	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
a)	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu			
	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
	Vốn chủ sở hữu			Số cuối kỳ
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000		300,000,000,000
	Thặng dư vốn cổ phần	-		-
	Quỹ đầu tư phát triển	936,104,185		936,104,185
	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			-
	Quỹ dự phòng tài chính	2,789,304,350		2,789,304,350
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,145,362,722	936,104,185	3,081,466,907
	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>			<i>2,789,304,350</i>
	<i>Quỹ thưởng khách hàng</i>			<i>292,162,557</i>
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	14,290,819,602		20,973,512,763
	<i>Lợi nhuận kỳ trước chưa phân</i>	<i>2,792,619,174</i>		<i>2,792,619,174</i>
	<i>Lợi nhuận kỳ này</i>	<i>11,498,200,428</i>	<i>7,028,220,306</i>	<i>345,527,145</i>
				<i>18,180,893,589</i>

Tổng cộng	320,161,590,859	7,964,324,491	1,281,631,330	326,844,284,020
------------------	------------------------	----------------------	----------------------	------------------------

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
Cổ đông		-	100%	-
Vốn góp của đối tượng khác		300,000,000,000		300,000,000,000
- Pháp nhân nắm giữ		225,060,000,000	75.02%	225,248,000,000
- Thể nhân nắm giữ		74,940,000,000	24.98%	74,752,000,000
Cộng		300,000,000,000	100%	300,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

		Kỳ trước	Kỳ nay
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300,000,000,000	300,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ		300,000,000,000	300,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		300,000,000,000	300,000,000,000

d) Cổ phiếu

		Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông		30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông		30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành		10,000	10,000

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	01/07/2011 đến 30/09/2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1,136,333,490
Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu	5,703,233,861
Doanh thu từ chênh lệch đầu tư chứng khoán	73,434,669
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	250,000,000
Doanh thu hoạt động tư vấn	91,454,545
Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	6,279,411,990
Doanh thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán	428,230,605
Thu cho thuê sử dụng tài sản	
Doanh thu khác	66,344,506
Cộng	14,028,443,666

17 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	01/07/2011 đến 30/09/2011
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	332,868,902
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	421,867,839
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	
Chi phí hoạt động tư vấn	
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	102,792,142
Chi phí dự phòng	
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	
Chi phí khác	35,319,425
Chi phí trực tiếp chung	1,264,660,936
- Chi phí nhân viên	821,211,213
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	194,037,795

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

249,411,928

2 157 509 244

Cộng

18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

01/07/2011 đến 30/09/2011

Chi phí nhân viên quản lý

967,850,468

Chi phí vật liệu quản lý

11,509,530

Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng

14,167,032

Chi phí khấu hao TSCĐ

434,868,764

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

921,409,868

Chi phí khác bằng tiền

131,744,898

Cộng

2,481,550,560

19 THU NHẬP KHÁC 711

441,265

20 CHI PHÍ KHÁC 811

21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH 8211

2,361,604,821

01/07/2011 đến 30/09/2011

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

9,389,825,127

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định

- Các khoản điều chỉnh tăng (thù lao HĐQT)

60,000,000

- Các khoản điều chỉnh giảm:

- Cổ tức nhận được

3,405,840

Tổng lợi nhuận tính thuế

9,446,419,287

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

25%

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

2,361,604,821

Thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC

Cộng

2,361,604,821

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

01/07/2011 đến 30/09/2011

Tổng lợi nhuận sau thuế

7,028,220,306

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định

- Các khoản điều chỉnh tăng

- Các khoản điều chỉnh giảm

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

7,028,220,306

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

23 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

24 SỐ LIỆU SO SÁNH

TP. HCM ngày 10 tháng 10 năm 2011

Q. Giám Đốc

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Ngọc Lành

Lê Thanh Trí

Show All
Show

#REF! - **#REF!**

#REF! - **#REF!**

#REF!

#REF! - **#REF!**